Phụ lục

Xác định kinh phí bố trí cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

(Kèm theo Công văn số 292/UBND ngày 31/7/2024 của UBND xã Sơn Tân)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng nhu cầu kinh phí năm 2024	Trong đó												Chênh lệch
				Kinh phí đã thực hiện 6 tháng đầu năm					Nhu cầu kinh phí theo quy định tại NQ số 12/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 (6 tháng cuối năm)							
				Số lượng	Mức phụ cấp	Tổng mức phụ cấp	Chi trang bị phương tiện	Tổng kinh phí 6 tháng đầu năm	Lực lượng tham gia an ninh, trật tự ở cơ sở	Số lượng	Mức phụ cấp	Tổng mức phụ cấp 6 tháng	Hỗ trợ đóng BHXH 1,500,000*22%*50%*6 tháng	Hỗ trợ đóng BHYT =2,340,000*4,5%* 50%*6 tháng	Tổng cộng	
A	B	1	2=7+14	3	4	5=3*4	6	7=5+6	8	9	10	11=9*10	12	13	14=11+12+13	15=1-2
	Tổng cộng	**141,456**	**202,1988**	**12**	**38,253**	**85,728**	**0**	**85,728**	**0**	**12**	**4,2**	**100,8**	**11,88**	**3,7908**	**116,4708**	**-60,7428**
1	**Bảo vệ dân phố**		**116,4708**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**12**	**4,2**	**100,8**	**11,88**	**3,7908**	**116,4708**	**0**
a	Trưởng ban bảo vệ dân phố (0,9 lần mức lương tối tiểu/người /tháng)								Đội trưởng							
b	Phó trưởng ban bảo vệ dân phố (0,8 lần mức lương tối tiểu/người /tháng)								Đội phó							
c	Tổ trưởng bảo vệ dân phố (1.500.000đ/người /tháng)		41,22						Tổ trưởng	4	1,5	36,0	3,96	1,26	**41,22**	
d	Tổ phó bảo vệ dân phố (1.400.000đ/người /tháng)		38,82						Tổ phó	4	1,4	33,6	3,96	1,26	**38,82**	
đ	Tổ viên bảo vệ dân phố (1.300.000đ/người /tháng)		36,42						Tổ viên	4	1,3	31,2	3,96	1,26	**36,42**	
2	**Công an xã bán chuyên trách**	**86,856**	**58,428**	**4**	**31,428**	**58,428**	**0**	**58,428**								
a	Mức 1,,25 lần mức lương cơ sở (bao gồm 100% kinh phí đóng BHXH, BHYT)		40,500	3	13,50	40,50		40,5								
b	Mức 1,,66 lần mức lương cơ sở (bao gồm 100% kinh phí đóng BHXH, BHYT) đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên và thôn ở huyện Lý Sơn		17,93	1	17,93	17,93		17,9								
3	**Đội dân phòng**	**54,6**	**27,3**	**8**	**6,825**	**27,3**	**0**	**27,3**								
a	Đội trưởng đội DP	15,6	15,6	4	3,9	15,6		15,6								
b	Đội phó Đội dân phòng	11,7	11,7	4	2,925	11,7		11,7								